

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2026

V/v: “*Tranh chấp về xác định
không phải cha con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hạnh
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp về xác định không phải cha con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kiều O, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn M, xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2026, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kiều O trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ (nay là xã K), tỉnh Quảng Ngãi ngày 18/8/2015. Ngày 15/02/2024 chị và anh B được Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi) giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải tại Toà án số: 04/2024/QĐCNTTLH ngày 15/02/2024. Khi Toà án giải quyết ly hôn, do cháu Trần Kiều V (tên dự kiến), sinh ngày 08/3/2021 không phải con chung của

chị và anh B nên chị và anh B không khai báo với Toà án, chỉ khai báo với Toà án vợ chồng có 01 (một) con chung tên Phạm Ngọc Băng Băng, sinh ngày 08/02/2015.

Mặc dù cháu Trần Kiều V (tên dự kiến) không phải con chung của chị và anh B nhưng cháu V được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh B nên theo quy định của pháp luật thì cháu V vẫn được coi là chung chung của chị và anh B.

Sau khi ly hôn, anh B đã tiến hành xét nghiệm ADN tại Công ty TNHH Giám định ADN DANAGEN, theo Kết quả xét nghiệm AND số: DNG.4026 ngày 02/3/2026 của Công ty TNHH Giám định ADN DANAGEN kết luận: Anh Phạm Ngọc B không có quan hệ huyết thống Cha – Con với Trần Kiều V.

Hiện nay cháu V đã đến tuổi đi học nhưng đang có tranh chấp ai là cha đẻ của cháu V nên chị không làm giấy khai sinh cho cháu V được. Anh Phạm Ngọc B không phối hợp với chị trong việc giải quyết tranh chấp về xác định cha cho con đối với cháu V. Do đó, để có căn cứ làm giấy khai sinh cho cháu Trần Kiều V, chị yêu cầu Toà án giải quyết:

Xác định cháu Trần Kiều V (tên dự kiến), sinh ngày 08/3/2021 theo Giấy chứng sinh số 00161, quyền số: 2021 ngày 08/3/2021 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thuỳ Trâm không phải là con đẻ của anh Phạm Ngọc B.

Tại bản tự khai đề ngày 25/3/2026, bị đơn anh Phạm Ngọc B trình bày:

Anh và chị Trần Thị Kiều O đã được Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi) giải quyết cho ly hôn vào năm 2024. Khi Toà án giải quyết ly hôn, anh và bà Oanh xác định vợ chồng chỉ có 01 (một) con chung tên Phạm Ngọc Băng Băng, sinh ngày 08/02/2015. Mặc dù cháu Trần Kiều V (tên dự kiến), sinh ngày 08/3/2021 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị O nhưng theo Kết quả xét nghiệm AND số: DNG.4026 ngày 02/3/2026 của Công ty TNHH Giám định ADN DANAGEN kết luận: Ông Phạm Ngọc B không có quan hệ huyết thống Cha – Con với Trần Kiều V. Do đó, anh khẳng định cháu V không phải là con đẻ của anh.

Nay, chị O khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Xác định cháu Trần Kiều V (tên dự kiến), sinh ngày 08/3/2021 theo Giấy chứng sinh số 00161, quyền số: 2021 ngày 08/3/2021 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thuỳ Trâm không phải là con đẻ của anh thì anh đồng ý. Yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Kiều O, là mẹ đẻ của cháu Trần Kiều V (tên dự kiến), sinh ngày 08/3/2021 khởi kiện, yêu cầu Tòa án xác định anh Phạm Ngọc B không phải là cha đẻ của cháu Trần Kiều V. Do đó, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về xác định không phải cha con*” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Ngọc B có nơi cư trú tại Thôn M, xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Kiều O và bị đơn anh Phạm Ngọc B đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Trần Thị Kiều O và anh Phạm Ngọc B kết hôn vào ngày 18/8/2015, nhưng đến ngày 15/02/2024 chị O và anh B đã được Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi) giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải tại Tòa án số: 04/2024/QĐCNTTLH ngày 15/02/2024.

[2.2] Mặc dù tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải tại Tòa án số: 04/2024/QĐCNTTLH ngày 15/02/2024 không xác định cháu Trần Kiều V (tên dự kiến), sinh ngày 08/3/2021 là con chung của chị O và anh B, nhưng do cháu Trần Kiều V được chị O sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị O và anh B nên theo quy định tại Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì cháu V được coi là con chung của chị O và anh B.

[2.3] Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị O và anh B đều xác định cháu V không phải là con đẻ của anh B. Tại Kết quả xét nghiệm AND số: DNG.4026 ngày 02/3/2026 của Công ty TNHH Giám định ADN DANAGEN kết luận: Anh Phạm Ngọc B không có quan hệ huyết thống Cha – Con với Trần Kiều V. Do đó, chị Trần Thị Kiều O yêu cầu Tòa án xác định cháu Trần Kiều V không phải là con đẻ của anh Phạm Ngọc B là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kiều O được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Phạm Ngọc B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Kiều O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kiều O số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị O đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 88, 89, khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kiều O.

2. Xác định cháu Trần Kiều V (tên dự kiến), sinh ngày 08/3/2021 theo Giấy chứng sinh số 00161, quyển số: 2021 ngày 08/3/2021 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm không phải là con đẻ của anh Phạm Ngọc B.

3. Chị Trần Thị Kiều O có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục khai sinh cho cháu Trần Kiều V (tên dự kiến) theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Phạm Ngọc B phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kiều O số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001053 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong